

Số: 290/TTr-KTHT

Yên Thế, ngày 03 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc **Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500)**
Dự án: Điểm dân cư thôn Tân An xã An Thượng

Kính gửi: UBND huyện Yên Thế.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế; Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định 838/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000);

Căn cứ Công văn số 3833/UBND-XD ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện quy hoạch các khu đô thị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 đến 2035, tỷ lệ 1/5.000;

Căn cứ Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND huyện Yên Thế về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500) dự án Điểm dân cư thôn Tân An, xã An Thượng;

Căn cứ Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND huyện Yên Thế về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Điểm dân cư thôn Tân An xã An Thượng;

Căn cứ Công văn số 1129/SXD-QHKT ngày 11/4/2024 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Điểm dân cư thôn Tân An xã An Thượng;

Căn cứ Báo kết quả thẩm định điều chỉnh số 289/BC-KTHT ngày 03/5/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng;

Phòng Kinh tế và Hạ tầng trình UBND huyện phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) dự án Điểm dân cư thôn Tân An xã an Thượng với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) dự án Điểm dân cư thôn Tân An xã an Thượng.

2. Sự phù hợp của quy hoạch với yêu cầu phát triển kinh tế -xã hội, quốc phòng, an ninh và quy hoạch đô thị cấp trên

Đồ án đã thể hiện đầy đủ nội dung theo yêu cầu; đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng ngừa hiểm họa ảnh hưởng đến cộng đồng, cải thiện cảnh quan; khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, hạn chế sử dụng đất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả đất đô thị nhằm tạo ra nguồn lực phát triển đô thị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững; bảo đảm đồng bộ về không gian kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng nhu cầu ở, công trình công cộng trong khu đô thị và khu vực lân cận.

Vị trí quy hoạch phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Yên Thế đến năm 2030; phù hợp với quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; phù hợp với quy hoạch chung xã An Thượng được UBND huyện Yên Thế phê duyệt tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 13/11/2023.

3. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch xây dựng

a) Vị trí khu đất: Thuộc địa giới hành chính thôn Tân An, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

b) Ranh giới nghiên cứu:

+ Phía Bắc: Giáp đường liên thôn Tân An.

+ Phía Nam: Giáp khu dân cư QH năm 2017.

+ Phía Đông: Giáp đường liên thôn Tân An.

+ Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện trạng của thôn Tân An.

c) Quy mô: Quy mô lập quy hoạch khoảng 2,94ha. Quy mô dân số khoảng 320 người.

3. Tính chất

Là khu dân cư mới được đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, có kiến trúc cảnh quan đẹp đáp ứng các nhu cầu ở của nhân dân; đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn khu, đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu tính toán theo tiêu chuẩn thiết kế khu đô thị quy định tại QCVN 01:2021/BXD; các công trình hạ tầng kỹ thuật tính toán theo QCVN 07:2016/BXD của Bộ Xây dựng:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1.1	Đất ở		
	<i>Nhà ở chia lô liền kề</i>	$m^2/lô$	80 - 120
1.2	Đất công trình công cộng	$m^2/người$	≥ 2
1.3	Đất cây xanh	$m^2/người$	≥ 2
1.4	Đất làm bãi đỗ xe	$m^2/người$	$\geq 2,5$
II	Tầng cao		
2.1	Nhà ở chia lô liền kề	tầng	2÷5
2.2	Công trình công cộng	tầng	1÷3
III	Mật độ xây dựng trong các lô xây dựng		
3.1	Nhà ở chia lô liền kề	%	94
3.3	Công trình công cộng	%	40
IV	Hạ tầng kỹ thuật		
4.1	Giao thông (không áp dụng đối với các tuyến đường chính trạng hiện trạng, đường có vỉa hè tiếp giáp khu công viên, cây xanh)	m	$\geq 20m$
4.2	Hệ thống cấp nước		
	+ <i>Nước sinh hoạt (Mức tối thiểu)</i>	$l/ng/ngày đêm$	≥ 120
	+ <i>Công trình công cộng</i>	$l/m^2 sàn$	2
4.3	Cây xanh	$m^2/người$	3
4.4	Cấp điện		
	+ <i>Nhà ở chia lô liền kề</i>	$kw/hộ$	≥ 5

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
	+ Công trình công cộng	w/ m ² sàn	≥30
	+ Chiếu sáng đường	kw/km	10÷15
4.5	Thoát nước thải	l/ng.ngày.đêm	≥80% chỉ tiêu cấp nước
4.6	Rác thải	kg/người.ngđ	0,8

5. Quy hoạch sử dụng đất

5.1. Bảng cơ cấu sử dụng đất điều chỉnh

STT	Chức năng	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng	Tầng cao	Số lô
I	Đất ở		7.919,6	26,99			80
1	Lô đất ở liền kề, TĐC 1	LK-01	2.252,1	7,67	97	2-5	22
2	Lô đất ở liền kề 2	LK-02	748,9	2,55	94	2-5	7
3	Lô đất ở liền kề 3	LK-03	1.248,7	4,26	95-100	2-5	12
4	Lô đất ở liền kề 4	LK-04	3.669,9	12,51	100	2-5	39
II	Đất nhà văn hoá	VH	1.511	5,15	40	1-3	
III	Đất bãi đỗ xe	P	1.371,4	4,67			
1	Đất bãi đỗ xe 1	P1	269,1	0,92			
2	Đất bãi đỗ xe 2	P2	646,5	2,20			
3	Đất bãi đỗ xe 3	P3	455,8	1,55			
IV	Đất cây xanh	CX	1.139,9	3,88			
1	Đất cây xanh 1	CX1	620,3	2,11			
2	Đất cây xanh 2	CX2	208,8	0,71			
3	Đất cây xanh 3	CX3	188,1	0,64			
4	Đất cây xanh 4	CX4	122,7	0,42			
V	Đất giao thông, HTKT		17.404,1	59,31			
	Tổng		29.346	100,00			

5.2. Bảng tổng hợp so sánh cơ cấu sử dụng đất đồ án trước điều chỉnh và sau điều chỉnh

STT	Loại đất	Ký hiệu	Được phê duyệt		Điều chỉnh	
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở mới	LK	11.190	38,13	7.919,6	26,99

II	Đất nhà văn hoá	VH	611	2,08	1.511	5,15
III	Đất bãi đỗ xe	P	0	-	1.371,4	4,67
IV	Đất cây xanh	CX	1.002	3,41	1.139,9	3,88
V	Đất giao thông, HTKT	KT	16.543	56,37	17.404,1	59,31
	Tổng		29.346	100,0	29.346	100,0

6. Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

Trên cơ sở định hướng quy hoạch chung xã An Thượng, giai đoạn 2022 đến 2035 đã được phê duyệt, quy hoạch tổng thể bố cục kiến trúc cảnh quan các khu chức năng hài hòa, mỹ quan, khai thác tối đa hiệu năng sử dụng, đảm bảo được tính chất của đồ án, định hướng tổ chức không gian được quy hoạch như sau:

a) Giải pháp tổ chức không gian

Tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan chính khu dân cư được cơ bản xác định theo các khu vực trọng điểm sau:

- Các khu vực cửa ngõ;
- Khu vực xây dựng mới bao gồm: Các khu nhà ở chia lô;
- Các vùng cây xanh;
- Trục không gian kiến trúc chủ đạo.

b) Thiết kế cảnh quan

Trục cảnh quan chính của khu dân cư chỉ cho phép trồng cây xanh, tổ chức vườn hoa, đường dạo, các điểm dừng chân, cắm các biển quảng cáo, biểu tượng trang trí của khu dân cư đèn trang trí và chiếu sáng. Không được xây công trình lớn trong phạm vi trục cảnh quan này. Kiến trúc công trình hai bên trục đường là nhà ở chia lô liền kề và công viên cây xanh tạo điểm nhấn tạo bộ mặt kiến trúc; tầng cao tối đa của nhà ở chia lô tầng cao không chế tối đa 05 tầng và hình thức kiến trúc, màu sắc, cao độ ban công và các tầng nhà phải thống nhất và giống nhau cho từng tuyến đường.

Đối với từng nhóm nhà ở chia lô đều phải tuân thủ nguyên tắc tạo được các tuyến đường có tính thẩm mỹ cao, cảnh quan đẹp. Giữa các nhóm nhà phải tổ chức vườn hoa khu vui chơi giải trí, sân luyện tập thể thao.

Đối với các tuyến chính khác phải đảm bảo hình thức kiến trúc công trình xây dựng hai bên đường hài hòa, phải đồng nhất về tầng cao, kiểu dáng và màu sắc để góp phần tạo mỹ quan đô thị. Các tuyến đường có kết hợp hoạt động thương mại cần quy định cụ thể độ cao đặt biển quảng cáo, kích thước các biển quảng cáo.

Điểm nhấn khác của dự án là các khu nhà ở liền kề nối tiếp nhau với thiết kế thống nhất, đồng bộ về mặt kiến trúc kết hợp công viên cây xanh tạo thành quần thể kiến trúc xanh hài hòa.

7. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trong đồ án được phát triển là đường nội bộ gồm có các mặt cắt sau:

- Mặt cắt (1-1) có chỉ giới đường đỏ 16m; trong đó lòng đường rộng 8,0m; hè trái rộng trung bình 2,0m; hè phải rộng 6,0m.

- Mặt cắt 2-2 có chỉ giới đường đỏ 17,0m; trong đó lòng đường rộng 8,0m; hè đường trái rộng 3,0m; hè phải rộng 6,0m.

- Mặt cắt 3-3 có chỉ giới đường đỏ 20,0m; trong đó lòng đường rộng 8,0m; hè đường trái rộng 6,0m; hè phải rộng 6,0m.

Các tuyến giao thông:

- Tuyến 1 (N1-N7): dài 217m, trên tuyến có các vị trí sử dụng có chiều rộng vỉa hè thay đổi, áp dụng cả 3 mặt cắt 1-1; 2-2; 3-3;

- Tuyến 2 (N2-N18): dài 340m trên tuyến có các vị trí sử dụng có chiều rộng vỉa hè thay đổi, áp dụng cả các loại mặt cắt 2-2; 3-3;

- Tuyến 3 (N10-N18): Dài 170m trên tuyến có các vị trí sử dụng có chiều rộng vỉa hè thay đổi, áp dụng cả các loại mặt cắt 2-2; 3-3;

Kết cấu mặt đường, hè đường các tuyến được thể hiện chi tiết và tính toán trong giai đoạn sau.

* Các công trình phục vụ giao thông (Bãi đỗ xe):

- Bố trí 03 bãi đỗ xe công cộng trong khu dân cư, diện tích cụ thể như sau: P1: 269,1m²; P2: 646,5m², P3: 455,8m². Tổng diện tích bãi đỗ xe trong đồ án khoảng 1.371,4m².

- Tính toán nhu cầu bãi đỗ xe công cộng cho khu vực nghiên cứu được xác định trên nguyên tắc đảm bảo nhu cầu bản thân của từng loại công trình như công cộng, nhà ở liền kề và nhu cầu công cộng từ nơi khác đến với thời gian đỗ ngắn.

* Cây xanh trên hè đường:

- Bố trí các hố trồng cây hai bên đường trong các vị trí có hè đường với khoảng cách trung bình khoảng 10~15m/hố.

- Kích thước lòng trong của hố trồng cây (1,2x1,2)m.

b) San nền

Cao độ san nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh và cơ bản phù hợp với Quy hoạch xây dựng chung xã An Thượng đã được duyệt, cao độ san nền thấp nhất là +19,70m, cao độ cao nhất là +21,40m.

c) Thoát nước

* Hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn. Tất cả các tuyến ống được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của giao thông và san nền, các tuyến ống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, để tiện cho việc quản lý sau này, trên dọc tuyến ống bố trí các giếng thăm để thuận tiện cho công tác kiểm tra và bảo dưỡng.

Hiện trạng toàn bộ khu vực lập quy hoạch là khu canh tác nông nghiệp, nước mưa của khu vực lập quy hoạch được thoát theo địa hình tự nhiên chảy tràn trên mặt đất và đường giao thông nội bộ rồi thoát về hệ thống mương tiêu và thoát vào rãnh xây ở phía Tây Nam dự án.

Giải pháp thiết kế mạng lưới thoát nước mưa:

- Thu nước từ các tuyến đường hiện trạng gồm các tuyến đường trục chính dự án, các hệ thống lưu vực từ hiện trạng chảy vào dự án.

- Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

- Nước mưa được thoát theo độ dốc của san nền và cốt đường giao thông nội bộ, qua hệ thống cống BTCT trên các tuyến đường.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Hướng thoát nước: Hướng thoát nước chủ đạo dự án từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Điểm cuối cùng của dự án thoát nước giao với rãnh xây hiện trạng B800 và đổ sang bên kia đường nhựa nằm ở phía Tây Nam. Làm lại cống qua đường nhựa khẩu độ cống hiện trạng là cống tròn bê tông cốt thép D600 sang cống tròn bê tông cốt thép D1000.

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30 (m).

- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính D600 đến D1000.

* Hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt, được thoát vào hệ thống rãnh B400 thu nước thải sau nhà rồi thoát ra hệ thống hố ga kết hợp với hệ thống cống ngầm D300 trên vỉa hè về trạm xử lý nước thải của khu vực lập quy hoạch đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật nằm ở phía Tây Nam dự án.

Trạm xử lý nước thải dùng công nghệ vi sinh để xử lý nước thải. Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn Cột B của QCVN14:2008/BTNMT trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Nước thải từ các lô đất sau khi qua bể tự hoại sẽ được thu gom vào hệ thống ống nhựa D300 đặt trong hào kỹ thuật ở phía sau nhà, sau đó sẽ được tập trung vào mạng lưới đường ống thoát nước của dự án để đến trạm xử lý nước thải. Mạng lưới thoát nước thải gồm các tuyến ống D300mm (đường kính trong) chạy dọc trên hè các tuyến đường để về khu vực trạm xử lý. Trên dọc tuyến ống thoát nước thải bố trí các hố ga thăm, khoảng cách giữa các hố ga là 20m-30m. Mạng lưới đường ống thoát nước thải được thiết kế tận dụng tối đa độ dốc tự nhiên và san nền của dự án. Ống thoát nước thải ngoài đường phổ sử dụng ống nhựa HDPE gân xoắn, chôn sâu dưới vỉa hè. Độ dốc tuyến ống đảm bảo yêu cầu $\geq 1/D$.

d) Cấp nước

Điểm đầu nối cấp nước đặt trên hè giáp đường huyện đi Nhã Nam.

Đường ống cấp nước cho dự án là đường ống cấp nước chung với hệ thống cấp nước chữa cháy. Các tuyến ống dẫn chính được thiết kế thành mạng vòng đảm bảo cấp nước liên tục.

Ống cấp nước sinh hoạt sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính ống chính từ D50-D110mm. Đường ống cấp nước được chôn sâu 0,9m đối với các tuyến ống

phân phối (khoảng cách từ mặt đất đến đáy ống). Ống qua đường đặt lồng trong ống thép.

Các tuyến ống dịch vụ được lắp đặt trong hào kỹ thuật đặt phía sau nhà và có đồng hồ + van chặn để tiện cho công tác quản lý. Nước sinh hoạt được cấp vào bể ngầm của các hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D50, D63.

Bố trí van khóa tại các vị trí nút giao giữa các ống phân phối và điểm cấp nước từ ống phân phối ra đường ống cấp nước dịch vụ.

Hệ thống cấp nước chữa cháy là hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Khi có cháy, xe chữa cháy đến lấy nước từ trụ nước chữa cháy được bố trí nằm dọc trên hè hoặc tại các ngã ba, ngã tư. Khoảng cách giữa các trụ nước chữa cháy từ 100-120m.

e) Cấp điện

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho dự án được quy hoạch được đấu nối từ TBA An Thượng 13 sau dịch chuyển và nâng công suất máy từ 160kVA lên 560kVA.

- Lưới điện trung thế: Lưới điện 35kV hiện đang cắt qua khu đất quy hoạch sẽ được hạ ngầm đường dây trung thế: Cấp dịch chuyển dùng cáp 3 pha loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W, tiết diện cáp đường trục $\geq 95\text{mm}^2$.

- Lưới điện hạ thế: Gồm các tuyến cáp ngầm từ các lộ ra của trạm biến áp hạ thế 22/0,4KV đi trong cáp ngầm hoặc hào kỹ thuật đến các tủ điện tổng để phân phối cho các lô đất.

- Điện chiếu sáng đi ngầm dưới vỉa hè tới các tủ điện; bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ 30m đến 40m.

g) Thông tin liên lạc

- Hệ thống hào cáp có đặt sẵn ống uPVC dùng để đi các đường cáp thông tin. Hào cáp được đặt trong phần vỉa hè của đường. Ống nhựa chịu lực uPVC D110 luồn cáp thông tin, với tuyến cáp thông tin từ ga vào nhà sẽ dùng ống nhựa chịu lực uPVC D61. Với các đoạn cáp điện - thông tin đi trong hào qua đường sẽ được luồn ống thép có đường kính tương ứng. Trên hệ thống hào cáp có bố trí các hố ga và khoảng cách các hố ga tùy thuộc vào địa hình;

- Toàn bộ các tủ đầu cáp, hệ thống cáp, các thiết bị đầu cuối sẽ tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ;

- Hệ thống đường cáp thông tin được thiết kế đi ngầm trong hệ thống ống uPVC, đảm bảo mỗi hộ có 01 đường cáp quang băng thông rộng có tích hợp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin.

- Với quy mô khu đô thị để đảm bảo chất lượng thu phát sóng di động dự kiến vị trí xây dựng các trạm thu phát sóng BTS- 5G bán kính phủ vụ của mỗi trạm không quá 300m và được sử dụng chung hạ tầng cho các nhà mạng để cấp tín hiệu cho toàn khu vực nghiên cứu.

h) Chất thải rắn (CTR)

Chất thải rắn trong khu vực chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt (chất thải nguy hại, chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ) được thu gom lại bằng các thùng rác đặt trên hè đường, trong khe hạ tầng các hộ dân rồi vận chuyển về khu xử lý rác của xã, huyện để xử lý theo quy định.

i) Đánh giá môi trường chiến lược

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực.

8. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng

- Hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng các trục giao thông, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải...
- Các công trình kiến trúc cảnh quan, hệ thống cây xanh, vườn hoa...
- Hệ thống công trình phụ trợ.

9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đã thể hiện được đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị.

10. Tổ chức thực hiện

Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan công bố, cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa, quản lý và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 289/BC-KTHT ngày 03/5/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang, Phòng Kinh tế và Hạ tầng trình UBND huyện xem xét phê duyệt để làm cơ sở cho các bước tiếp theo đúng quy định, trình tự hiện hành.

(có Báo cáo thẩm định số 289/BC-KTHT ngày 03/5/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Dự thảo Quyết định phê duyệt của UBND huyện; Thuyết minh Quy hoạch và các tài liệu khác kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- LĐ, CV_{Son} Phòng;
- Lưu: VT, HS.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Hoàng Văn Thái